

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **BÀI 6: TRÁI ĐẤT- NGÔI NHÀ CHUNG**

### **TIẾT .....: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.
- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,...
- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.
- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân;

##### **2. Năng lực**

###### **a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

###### **b. Năng lực riêng**

- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

##### **3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

## II. Thiết bị dạy học và học liệu

### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

## III. Tiến trình dạy học

### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra một câu đố và gợi dẫn vào bài

Trái gì chẳng ở trên cành

Đất đai rộng khắp mà thành ai ơi!

Của cải sinh mãi không thôi

Chúng nuôi hết thầy mọi người sống chung.

Là gì?

→ Đáp án: Trái Đất

- **GV dẫn dắt vào bài mới:** Trong bài học này, chúng ta sẽ được cùng nhau tìm hiểu về Trái Đất – ngôi nhà chung của gần 8 tỉ người. Trái đất là hành tinh lí tưởng nhất cho sự sống của con người cho đến hiện nay nhưng con người đã làm gì để bảo vệ và giữ gìn mái nhà ấy. Đồng thời, chúng ta cũng được tìm hiểu về một thể loại văn bản mới

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

### Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

- a. **Mục tiêu:** Hiểu được chủ đề và thể loại chính của bài học
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gv chuyển giao nhiệm vụ</li><li>- Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Chủ đề của bài học là gì?</li><li>+ Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</li><li>+ Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào?</li></ul></li><li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li></ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ</li><li>- GV lắng nghe, gợi mở</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hs trả lời câu hỏi</li></ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<p><b>I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Chủ đề bài học:</b> Trái Đất- ngôi nhà chung<ul style="list-style-type: none"><li>→ Chúng ta phải có ý thức chăm chút, bảo vệ ngôi nhà chung mà chúng ta đang sinh sống</li></ul></li><li>- <b>Thể loại chính:</b> Văn bản thông tin, thơ</li></ul>

- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	
--	--

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về văn bản, đoạn văn trong văn bản, VB thông tin, VB đa phương tiện

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về văn bản</b></p> <p>+ VB có ý nghĩa như thế nào trong đời sống của chúng ta?</p> <p>+ Em đã nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của việc tổ chức đoạn văn khi thực hành viết một VB?</p> <p>+ Theo em, có những loại văn bản nào</p> <p><b>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về đoạn văn trong văn bản</b></p> <p>+ Đoạn văn trong văn bản là gì?</p> <p>+ Dấu hiệu nào giúp em nhận ra đó là một đoạn văn?</p> <p>+ Đoạn văn và văn bản có mối liên hệ với nhau như thế nào?</p> <p>→ Trong VB, giữa các đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ và tất cả đều hướng vào việc làm sáng tỏ chủ đề chung của VB. Một</p>	<p><b>II. TRI THỨC NGỮ VĂN</b></p> <p><b>1. Văn bản</b></p> <p><b>Văn bản</b> là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết và dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc,...</p> <p>- Có nhiều tiêu chí phân loại văn bản:</p> <p>+ Dựa vào chức năng giao tiếp: VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin</p> <p>+ Dựa vào tính đa dạng của các phương tiện, phương thức truyền tải thông tin: VB thông thường, VB đa phương thức.</p>

đoạn văn có thể đảm nhiệm một trong các chức năng: mở đầu VB; trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính; kết thúc VB hoặc mở rộng, liên kết vấn đề.

**Nhiệm vụ 3: tìm hiểu các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin**

- GV tổ chức trò chơi GIẢI MẬT THU' (trò chơi cá nhân)

**Từ khóa**

- Nhan đề, đề mục, đoạn văn, tranh ảnh
- Trật tự thời gian
- Chuỗi liên tục
- Cách triển khai riêng
- Nhân quả, nguyên nhân

- Mỗi văn bản thông tin thường có các yếu tố như:..... (1) .....

- Mỗi văn bản thông tin có một ..... (2) ..... Bên cạnh cách triển khai theo.....(3)....., văn bản thông tin còn có thể triển khai theo quan hệ.....(4) .....được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành..... (5) .....

+ Thời gian: **5 phút**

**Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu văn bản đa phương thức**

+ Dạng và hình thức: VB nói và VB viết

**2. Đoạn văn trong văn bản**

- Đoạn văn là một bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu, được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.

- Đoạn văn bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm.

**3. Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin**

- Mỗi văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề, đề mục, đoạn văn, tranh ảnh...

- Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian, văn bản thông tin còn có thể triển khai theo quan hệ nhân quả, nguyên nhân được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục

**4. Văn bản đa phương thức**

Văn bản đa phương thức là loại văn bản có sử dụng phối hợp

<p>Hãy nêu suy nghĩ của em khi so sánh một VB thông tin chỉ có kênh chữ với VB thông tin đa phương thức.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi, tham gia trò chơi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b> GV chốt và mở rộng kiến thức.</p>	<p>phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ (kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh...)</p>
---	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: *So sánh Văn bản thông tin và Văn bản đa phương thức*

<i>So sánh</i>	<i>VB Thông tin</i>	<i>VB Đa phương thức</i>
<b><i>Giống nhau</i></b>	Đều là thể loại văn bản	
<b><i>Khác nhau</i></b>	Là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết và dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc,...	Là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ (kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh...)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: *Em hãy nêu vai trò của văn bản thông tin trong đời sống của con người?*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: TRÁI ĐẤT- CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG

*Hồ Thanh Trang*

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- HS nhận biết được các thành phần của VB thông tin gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...
- HS nhận biết và phân tích được một cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.
- HS thấy được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên Trái Đất.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản

#### 3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TĐ.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.



**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV cho học sinh nghe bài hát đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: *Bài hát gọi cho em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, thế nào là sự sống muôn màu?*

- *GV dẫn dắt vào bài mới: Hàng ngày, chúng ta hít thở, uống nguồn nước mát lành từ lòng đất, ăn những trái cây thơm ngon từ thiên nhiên, Trái Đất giống như người mẹ hiền nuôi dưỡng, chở che cho muôn loài, Vậy TD có từ bao giờ? Sự sống tốt đẹp đã nảy nở như thế nào trên hành tinh xanh của chúng ta? Con người có thể làm gì để bảo vệ Trái Đất? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về Trái Đất – cái nôi của sự sống*

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

##### Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b>	<b>I. Đọc- Tìm hiểu chung</b>
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>	<b>1. Đọc- chú thích</b>
	<b>a. Đọc</b>

<p>- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp</p> <p>- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS theo dõi sgk</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p> <p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p>	<p>- GV gọi học sinh đọc trước lớp</p> <p>- Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng,.....</p> <p><b>b. Chú thích</b></p> <p>- <b>E-lip</b>: một loại hình bầu dục, có hai trục đối xứng</p> <p>- <b>Địa cực</b>: cực của Trái Đất, bao gồm cực Bắc và cực Nam</p> <p>- <b>Ngự</b>: ngồi ở nơi cao nhất, trang trọng nhất với vẻ uy nghi</p> <p>- <b>Lục địa</b>: đất liền, phân biệt với biển, đại dương</p> <p>- <b>Tác nhân</b>: yếu tố thúc đẩy một quá trình nào đó</p> <p>- <b>Bao báp</b>: một loại cây thân gỗ có kích thước lớn, xuất hiện ở châu Phi</p> <p>- <b>Hóa thạch</b>: di tích hoa đá của thực vật, động vật cổ xưa</p> <p>- <b>Phục dựng</b>: làm đúng lại như hình dáng ban đầu của hiện vật</p> <p>- <b>Tuyệt chủng</b>: làm mất hẳn nòi giống</p> <p>- <b>Tầng ô-zôn</b>: một khu vực trong tầng bình lưu của Trái Đất, hấp thụ hầu hết các bức xạ cực tím của Mặt Trời</p> <p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <p>- <b>Tác giả</b>: <b>Hồ Thanh Trang</b></p> <p>- <b>Thể loại</b>: văn bản thông tin</p>
--	---

<p>- GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố:</p> <p>+ Tác giả</p> <p>+ Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, PTBĐ, bố cục...</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>+ <b>Khái quát về VB thông tin:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nhan đề: Trái Đất- cái nôi của sự sống</b></li> <li>• <b>Sa-pô</b></li> </ul> <p>Vì sao Trái Đất thường được gọi là hành tinh xanh?</p> <p>Trên hành tinh xanh ấy, sự sống đã nảy nở tốt đẹp như thế nào?</p> <p>Con người có thể làm gì để bảo vệ Trái Đất?</p> <p>→ <i>Nhan đề và Sapo</i>: nêu lên vấn đề về sự sống trên hành tinh xanh và trách nhiệm của con người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Các đề mục chính:</b></li> </ul> <p>Trái Đất trong hệ Mặt Trời</p> <p>“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất</p> <p>Trái Đất – nơi cư ngụ của muôn loài</p> <p>Con người trên Trái Đất</p> <p>Tình trạng Trái Đất hiện ra sao?</p> <p>- <b>Xuất xứ:</b> Báo điện tử Đất Việt - Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, 9/2020</p> <p>- <b>PTBĐ:</b> thuyết minh</p> <p>- <b>Bố cục: 3 phần</b></p> <p>+ <b>Phần 1: Phần 1:</b> (Từ đầu ... đến " một năm (365,25 ngày ")</p> <p>→ Giới thiệu về Trái Đất</p>
--	---

	<p>+ <b>Phần 2: Phần 2:</b> (Tiếp ... đến “<b>sự sống trên Trái Đất</b>”)</p> <p>→ Sự sống trên Trái Đất</p> <p>+ <b>Phần 3:</b> Đoạn còn lại</p> <p>→ Thực trạng của Trái Đất</p>
--	--

## Hoạt động 2: Khám phá văn bản

### a. Mục tiêu:

- Giới thiệu được về Trái Đất
- Phân tích được sự sống trên Trái Đất
- Phân tích thực trạng của Trái Đất

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

### d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS</li> <li>+ <i>Trong đoạn đầu tin, tác giả đã đề cập đến những thông tin nào về Trái Đất?</i></li> <li>+ <i>Em có nhận xét gì về những thông tin tác giả cung cấp?</i></li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập</li> </ul>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Giới thiệu về Trái Đất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Vị trí:</b> Trái Đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời</li> <li>- <b>Bao gồm:</b> Sao Thủy, sao Kim, sao Mộc, sao Thổ, sao Hỏa, Trái Đất, sao Thiên Vương, sao Hải Vương</li> <li>- <b>Hoạt động:</b> vừa quay quanh trục của nó, vừa quay quanh hệ Mặt Trời</li> <li>- <b>Quỹ đạo chuyển động:</b> hình E-lip</li> <li>→ Các thông tin khoa học, chính xác, ngắn gọn, rõ ràng, số liệu xác thực</li> <li>→ Giúp người đọc có hiểu biết khái quát về Trái Đất</li> </ul>

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất**

**GV tổ chức Hoạt động nhóm**

+ **Hình thức:** hoạt động nhóm theo bàn và hoàn thành PHT

+ **Thời gian:** 5 phút

**Nhiệm vụ 2: Trái Đất- nơi cư ngụ của muôn loài**

GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS

+ *Sự sống trên TD phong phú như thế nào?*

+ *Bức tranh minh họa làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?*

**Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về con người trên Trái Đất**

GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS

**2. Sự sống trên Trái Đất**

*a. Vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất*

<b><i>Giải thích ý nghĩa cụm từ “Vị thần hộ mệnh”</i></b>	<i>Nước là vị thần giữ gìn, bảo vệ sự sống cho Trái Đất.</i>
<b><i>Tầm quan trọng của nước</i></b>	<b><i>Nước chiếm ¾ bề mặt Trái Đất giúp:</i></b> + <i>Duy trì sự sống</i> + <i>Nếu không có Nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi</i> + <i>Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển toàn diện, phong phú</i>
<b><i>Vai trò của phần (a) trong mối quan hệ với nhan đề với</i></b>	<i>Đoạn văn mang tính bản lề, chi phối, quyết định và làm sáng rõ cho nhan đề, tiếp nối</i>

+ Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, tác giả đã xuất phát từ góc nhìn nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chia nhóm hoàn thành PHT, trả lời câu hỏi của GV

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

<i>các phần khác của Văn bản</i>	<i>cho sự phát triển của con người và sinh vật</i>
----------------------------------	--

**b. Trái Đất- nơi cư ngụ của muôn loài**

**Trái Đất có muôn loài tồn tại**

- Có loài mang kích thước nhỏ, chỉ có thể quan sát qua kính hiển vi

- Có loài mang kích thước lớn:

+ Có loài dưới nước

+ Có loài trên cạn

+ Có động vật, thực vật, hoa cỏ...

→ **Nghệ thuật:** liệt kê, đưa ví dụ cụ thể

→ **Muôn loài cư ngụ trên Trái Đất thật kì diệu, phong phú, đa dạng**

**c. Con người trên Trái Đất**

- **Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống**

+ Là động vật bậc cao

+ Có não bộ, thần kinh phát triển nhất

+ Có ý thức, tình cảm, ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực

→ Con người lao động, cải tạo giúp Trái Đất “người” hơn, thân thiện hơn

- **Con người đang dần phá hủy cuộc sống**

+ Con người khai thác thiên nhiên bừa bãi.

	<p>+ Không khôi phục thiên nhiên → ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên Trái Đất</p> <p>→ Trái Đất đang bị ảnh hưởng bởi sự khai thác của con người</p>																	
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>- GV áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn</p> <p>+ Hình thức: chia lớp làm 4 nhóm</p> <p>+ Thời gian: 5 phút, cử đại diện nhóm lên báo cáo</p> <p>+ Yêu cầu: tìm hiểu hoạt động của con người trước thiên nhiên (rừng, các loài thú, biển....) và hậu quả của nó.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>- HS hoạt động nhóm</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>- HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.</p> <p><b>Gv đặt câu hỏi mở rộng:</b> Câu “<i>TD có thể chịu đựng đến bao giờ?</i>” mang sắc thái biểu cảm gì? Câu này xuất hiện có bất ngờ không? Vì sao?</p>	<p><b>3. Thực trạng của Trái Đất</b></p> <table border="1" data-bbox="778 577 1386 1930"> <thead> <tr> <th data-bbox="778 577 906 770">Thiên nhiên</th> <th data-bbox="906 577 1107 770">Hành động của con người</th> <th data-bbox="1107 577 1386 770">Hậu quả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="778 770 906 1227"><b>Rừng</b></td> <td data-bbox="906 770 1107 1227">Con người tàn phá</td> <td data-bbox="1107 770 1386 1227">Màu xanh trái dài của rừng bị co lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xám hoang mạc nhức nhối</td> </tr> <tr> <td data-bbox="778 1227 906 1420"><b>Các loài thú</b></td> <td data-bbox="906 1227 1107 1420">Bị giết vô tội vạ</td> <td data-bbox="1107 1227 1386 1420">Gần như tuyệt chủng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="778 1420 906 1612"><b>Biển</b></td> <td data-bbox="906 1420 1107 1612">Bị khai thác quá mức</td> <td data-bbox="1107 1420 1386 1612">Cá, tôm không kịp sinh sôi, nảy nở</td> </tr> <tr> <td data-bbox="778 1612 906 1930"><b>Đất, nước, không khí</b></td> <td data-bbox="906 1612 1107 1930">Rác thải nhựa tràn ngập, phát triển công nghiệp</td> <td data-bbox="1107 1612 1386 1930">+ Giết dần, giết mòn bao sinh vật biển; nước biển dâng cao, nhấn chìm nhiều</td> </tr> </tbody> </table>			Thiên nhiên	Hành động của con người	Hậu quả	<b>Rừng</b>	Con người tàn phá	Màu xanh trái dài của rừng bị co lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xám hoang mạc nhức nhối	<b>Các loài thú</b>	Bị giết vô tội vạ	Gần như tuyệt chủng	<b>Biển</b>	Bị khai thác quá mức	Cá, tôm không kịp sinh sôi, nảy nở	<b>Đất, nước, không khí</b>	Rác thải nhựa tràn ngập, phát triển công nghiệp	+ Giết dần, giết mòn bao sinh vật biển; nước biển dâng cao, nhấn chìm nhiều
Thiên nhiên	Hành động của con người	Hậu quả																
<b>Rừng</b>	Con người tàn phá	Màu xanh trái dài của rừng bị co lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xám hoang mạc nhức nhối																
<b>Các loài thú</b>	Bị giết vô tội vạ	Gần như tuyệt chủng																
<b>Biển</b>	Bị khai thác quá mức	Cá, tôm không kịp sinh sôi, nảy nở																
<b>Đất, nước, không khí</b>	Rác thải nhựa tràn ngập, phát triển công nghiệp	+ Giết dần, giết mòn bao sinh vật biển; nước biển dâng cao, nhấn chìm nhiều																

		thiếu bền vững	thành phố, làng mạc... + Tầng ô zôn bị thủng nhiều chỗ + Đất đai, nước, không khí bị ô nhiễm nặng nề, đe dọa sự sống của muôn loài
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài	<b>III. Tổng kết</b> <b>1. Nghệ thuật</b>		

**→ Tình trạng Trái Đất hiện nay rất đáng lo ngại**

**→ Con người sẽ phải chịu hậu quả nặng nề từ thiên nhiên**

**Câu hỏi “Trái Đất có thể tồn tại đến bao giờ”**

+ Trái Đất đang bị tổn thương nghiêm trọng

+ “Sức khỏe” của Trái Đất rất đáng báo động

+ Khuyến con người nên “chia sẻ, lắng nghe” Trái Đất nhiều hơn

**→ Câu hỏi đẩy lên hồi chuông cảnh tỉnh cho con người về việc bảo vệ, giữ gìn hành tinh xanh**



<p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>- Mang đặc điểm, số liệu cụ thể của văn bản thông tin</p> <p>- Mạch viết theo trình tự thời gian, nhân quả, có sự ràng buộc với nhau giữa các phần</p> <p><b>2. Nội dung</b></p> <p>- Trái Đất là cái nôi của sự sống, con người phải biết bảo vệ Trái Đất.</p> <p>- Kêu gọi mọi người lắng nghe, bảo vệ Trái Đất</p>
---	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi Em đã có những hành động, việc làm gì để bảo vệ môi trường?

Và tổ chức trò chơi **TRỒNG CÂY GÂY RỪNG**

**1. Theo văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, Trái Đất nằm trong?**

→ Hệ Mặt Trời

**2. Theo văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, “vị thần hộ mệnh” mà tác giả nhắc tới là gì?**

→ NƯỚC

**3. Có thể khẳng định nước là “vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất vì lí do gì?**

→ Nhờ có nước, Trái Đất trở thành nơi duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời

**4. Vì sao Trái Đất đang đứng trước những thách thức to lớn?**

→ Vì con người đang khai thác thiên nhiên một cách bừa bãi, lãng phí

**5. Vì sao có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất?**

→ Vì con người có bộ não và hệ thần kinh phát triển nhất, có ý thức, có tình cảm, có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) với chủ đề: Để hành tinh xanh mãi xanh...

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

.....  
.....  
.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT..... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- HS nhận diện được đặc điểm của các loại văn bản và đoạn văn.
- Thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá...) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích các loại văn bản và đoạn văn.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

#### 3. Phẩm chất

- Thái độ học tập nghiêm túc.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### III. Tiến trình dạy học

## Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: *GIÚP KHỈ VỀ NHÀ*

**1. Văn bản là gì?**

→ Là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết và dạng nói

**2. Chức năng chính của văn bản?**

→ Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc

**3. Đoạn văn là gì?**

→ Là một bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu, được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ. Đoạn văn bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm câu

**4. Kể tên các yếu tố thường có của một văn bản thông tin?**

→ Nhan đề, Sapo, đề mục, đoạn văn, tranh ảnh...

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: .....

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm và loại văn bản

- Nhận biết được chức năng đoạn văn trong văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyên giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:</li> <li>+ Căn cứ vào sự có mặt hay không có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ, có thể chia văn bản thành mấy loại, kể tên?</li> <li>+ Căn cứ vào nhu cầu giao tiếp, dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau, đó là những loại văn bản nào?</li> <li>+ Theo em, mỗi đoạn văn trong văn bản có chức năng gì? Dựa vào đâu để xác định được chức năng đó?</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</li> </ul>	<p><b>I. Hình thành kiến thức</b></p> <p><b>1. Nhận biết đặc điểm và loại văn bản</b></p> <p>Căn cứ vào sự có mặt hay không có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ để xác định tính chất văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản thông thường</li> <li>+ Văn bản đa phương thức</li> </ul> <p>Căn cứ vào nhu cầu giao tiếp, dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản thông tin</li> <li>+ Văn bản nghị luận</li> <li>+ Văn bản Văn học</li> </ul> <p><b>2. Nhận biết chức năng đoạn văn trong văn bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Một đoạn văn có thể đảm nhiệm một trong các chức năng:</b></li> <li>+ Mở đầu văn bản</li> <li>+ Trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính</li> <li>+ Kết thúc văn bản hoặc mở rộng liên kết vấn đề</li> <li>- <b>Để xác định đúng chức năng của đoạn văn trong văn bản cần dựa vào:</b></li> <li>+ Thứ tự (vị trí)</li> <li>+ Nội dung</li> </ul>

### Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyên giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV chia nhóm</li><li>+ Nhóm 1: Bài tập 1</li><li>+ Nhóm 2: Bài tập 2</li><li>+ Nhóm 3: Bài tập 3</li><li>+ Nhóm 4: Bài tập 4</li></ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS thảo luận nhóm.</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS trình bày sản phẩm thảo luận;</li><li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li></ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</li></ul>	<p><b>Bài tập 1</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bố cục chặt chẽ, rõ ràng</li><li>- Cung cấp thông tin cho người đọc về Trái Đất</li><li>- <b>Nội dung của Văn bản bao gồm:</b> vị trí của Trái Đất; sự sống trên Trái Đất; muôn loài trên Trái Đất; con người trên Trái Đất; tình trạng của Trái Đất</li></ul> <p><b>Bài tập 2</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhan đề</li><li>- Sapo</li><li>- Các đề mục</li><li>- Hình ảnh</li><li>- Số liệu</li><li>- Các đoạn văn</li></ul> <p><b>Bài tập 3</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Thông tin từ văn bản:</b></li><li>+ Trái đất hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời có sự sống.</li><li>+ Nước là tài nguyên bao phủ 2/3 bề mặt Trái đất. Nhờ có nước sự sống trên Trái đất được duy trì, phát triển phong phú.</li></ul>

- + Trái đất là nơi cư trú của muôn loài động vật từ bậc thấp đến bậc cao.
  - + Con người trên Trái đất khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi
  - + Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng
- **Thông điệp từ văn bản:** Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cấp thiết và cấp bách.

#### Bài tập 4

Thứ tự đoạn văn trong văn bản	Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn	Ý chính của đoạn văn	Chức năng của đoạn văn bản
<b>Đoạn 3</b> (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài )	<b>Điểm mở đầu:</b> Muôn loài tồn tại trên Trái đất <b>Điểm kết thúc:</b> Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy	Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu	Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài

		luật sinh học bí ẩn, lạ lùng		
--	--	---------------------------------	--	--

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu học sinh: Em hãy viết đoạn văn 5-7 câu với câu chủ đề: Tình bạn là một tình cảm thiêng liêng và đáng quý trong cuộc sống.*

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

#### **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....



Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **TIẾT.....: CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?**

*Ngọc Phú*

### **I. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức**

- HS nhận biết vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh trong một VB thông tin.
- HS nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của VB.
- HS thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh

#### **2. Năng lực**

##### **a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### **b. Năng lực riêng:**

- Biết thu thập thông tin liên quan đến văn bản Các loài cùng chung sống với như thế nào?
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Các loài cùng chung sống với như thế nào?
- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

#### **3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TĐ.

### **II. Thiết bị dạy học và học liệu**

#### **1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: **ĐOÁN Ý ĐỒNG ĐỘI**

**Hình thức:** chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm cử 1 bạn đại diện lên tham gia trò chơi

**Yêu cầu:** bóc thăm và diễn tả lại bằng hành động ( hoặc vẽ tranh), sao cho các bạn nhóm mình đoán đúng từ khóa đó

**Các từ khóa:** con voi, con chuột, sư tử, linh dương, sóc, khi.....

- **GV dẫn dắt vào bài mới:** Trong Trái Đất rộng lớn và bao la, có hàng triệu loài sinh vật cùng sinh sống. Mỗi loài đều có vai trò và đóng góp riêng vào sự phát triển chung của vũ trụ. Vậy các loài cùng chung sống và chia sẻ như thế nào để trái đất có thể phát triển hoà bình, ổn định? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp</li> <li>- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS theo dõi sgk</li> <li>- GV quan sát, hỗ trợ</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá</li> </ul> <p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố:</li> <li>+ Tác giả</li> </ul>	<p><b>I. Đọc- Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc- chú thích</b></p> <p><b>a. Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 2 học sinh đọc nối tiếp</li> <li>- Giọng đọc: to, rõ ràng, chú ý đọc đúng tên riêng tiếng nước ngoài và các từ mượn</li> </ul> <p><b>b. Chú thích</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tiến hóa:</b> biến đổi dần dần theo hướng phát triển đi lên</li> <li>- <b>Quần xã:</b> tập hợp tất cả các sinh vật cùng loài và khác loài, cùng sống trong một khu vực vào một thời gian nhất định.</li> <li>- <b>Kí sinh:</b> sống bằng cách hút chất dinh dưỡng từ cơ thể những sinh vật khác.</li> </ul> <p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tác giả:</b> Ngọc Phú</li> <li>- <b>Thể loại:</b> văn bản thông tin</li> <li>- <b>Xuất xứ:</b> Báo điện tử Đất Việt - Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, 9/2020</li> <li>- <b>PTBD:</b> thuyết minh</li> </ul>

<p>+ Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, PTBĐ, bố cục...</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p><b>- Nhan đề: “Các loài chung sống với nhau như thế nào?”</b></p> <p>→ Hình thức là một câu hỏi.</p> <p>→ Định hướng, đòi hỏi người viết phải trình bày một cách tập trung về VD mà tác giả chờ đợi</p> <p>→ Thể hiện được đặc thù của văn bản thông tin</p> <p><b>- Bố cục: 3 phần</b></p> <p>+ <b>Phần 1:</b> (Từ đầu ... đến " tổn thương của nó")</p> <p>→ <b>Đặt vấn đề</b> (đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó)</p> <p>+ <b>Phần 2:</b> (Tiếp ... đến “đẹp đẽ này”)</p> <p>→ <b>Nội dung vấn đề</b> (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự, vai trò của con người trên TĐ)</p> <p>+ <b>Phần 3:</b> Đoạn còn lại</p> <p>→ <b>Kết thúc vấn đề</b> (Thông điệp về cách ứng xử đối với đời sống muôn loài)</p> <p><b>- Tóm tắt:</b> Đời sống muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương. Các loài động vật và thực vật thường tồn tại và phát triển thành từng quần xã. Bên cạnh việc nhận diện theo đặc điểm sinh hoạt thì chúng còn được chia theo tính chất của loài. Sự phân bố của các loài làm</p>
---	--

	<p>giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài có thể sử dụng nguồn sống của môi trường một cách hiệu quả nhất. Giữa các loài trong quần xã luôn tồn tại mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng. Trên Trái Đất, con người cũng chỉ là một loài và họ đang tàn phá thế giới này</p>
--	--

## Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. **Mục tiêu:** nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS</p> <p>+ Trong phần mở đầu tác giả đã dẫn vào bài bằng cách nào? Cách vào bài này có tác dụng gì?</p> <p>+ Vấn đề tác giả đặt ra trong phần này là gì? Theo em, đây có phải là vấn đề đáng quan tâm hiện nay không? Vì sao?</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Đặt vấn đề</b></p> <p>- Bức tranh minh họa → phản ánh đời sống đa dạng, phong phú của muôn loài</p> <p>- Mở đầu bằng cách dẫn dắt đoạn từ bộ phim hoạt hình “Vua sư tử” và nêu vấn đề: Đời sống muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương</p> <p>→ NT: cách mở đầu hấp dẫn → một vấn đề cấp thiết trong hoàn cảnh hiện nay khi con người đang can thiệp ngày càng nhiều vào thiên nhiên.</p>

<p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>												
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>Nhiệm vụ 1: Sự đa dạng của các loài</b></p> <p><b>GV tổ chức kĩ thuật: TRÌNH BÀY MỘT PHÚT</b></p> <p>- <b>Hình thức:</b> hoạt động cá nhân</p> <p>- <b>Thời gian:</b> 1 phút</p> <p>- <b>Yêu cầu:</b> trình bày số lượng các loài Sinh vật có trên trái đất, số lượng các loài SV con người đã biết (động vật, thực vật) và ý nghĩa của những con số đó.</p> <p><b>Nhiệm vụ 2: Tính trật tự trong đời sống của muôn loài</b></p> <p>+ <i>Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?</i></p> <p>+ <i>Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?</i></p> <p>+ <i>Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong</i></p>	<p><b>2. Nội dung vấn đề</b></p> <p><i>a. Sự đa dạng của các loài (đoạn 2)</i></p> <table border="1" data-bbox="777 707 1386 1738"> <thead> <tr> <th colspan="2">Số lượng các loài sinh vật</th> <th>Ý nghĩa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có trên trái đất</td> <td><b>10.000.000</b></td> <td>- Sinh vật đa dạng và phong phú ...</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Số lượng các loài SV con người đã biết</td> <td>Động vật: <b>1.000.000</b></td> <td>- Số lượng SV con người nhận biết nhỏ hơn rất nhiều so với tổng số SV.</td> </tr> <tr> <td>Thực vật: <b>300.000</b></td> <td>→ Con người phải tìm hiểu thêm, khám phá thế giới</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>NT: Những số liệu cụ thể</b></p> <p>→ Tăng tính thuyết phục, giúp người đọc có những nắm bắt cụ thể</p>	Số lượng các loài sinh vật		Ý nghĩa	Có trên trái đất	<b>10.000.000</b>	- Sinh vật đa dạng và phong phú ...	Số lượng các loài SV con người đã biết	Động vật: <b>1.000.000</b>	- Số lượng SV con người nhận biết nhỏ hơn rất nhiều so với tổng số SV.	Thực vật: <b>300.000</b>	→ Con người phải tìm hiểu thêm, khám phá thế giới
Số lượng các loài sinh vật		Ý nghĩa										
Có trên trái đất	<b>10.000.000</b>	- Sinh vật đa dạng và phong phú ...										
Số lượng các loài SV con người đã biết	Động vật: <b>1.000.000</b>	- Số lượng SV con người nhận biết nhỏ hơn rất nhiều so với tổng số SV.										
	Thực vật: <b>300.000</b>	→ Con người phải tìm hiểu thêm, khám phá thế giới										

quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra

**Nhiệm vụ 3: Vai trò của con người trên TĐ**

+ Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không? Ảnh hưởng như thế nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chia nhóm hoàn thành nhiệm vụ, trả lời câu hỏi của GV

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

Con người chúng ta cũng như vô vàn các loại sinh vật khác có mặt trên TĐ này, tất cả cùng thở chung một bầu không khí, cùng ăn thức ăn và uống nguồn nước từ thiên nhiên. Nhưng với trí óc phát triển nhanh chóng, những sáng tạo đã giúp con người cải thiện cuộc sống của mình tốt hơn, trở thành bá chủ trong muôn loài. Chính điều đó khiến cho con người trở nên tự kiêu, tự cho mình quyền sắp đặt lại trật tự, can

→ Sự phong phú của sinh vật trên Trái Đất và những điều con người chưa làm được

**b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài (đoạn 3-6)**

<b>Tính trật tự trong đời sống của muôn loài</b>	
Khái niệm	Là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định, có tổ chức, kỉ luật...
Biểu hiện	- Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã: loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng... - Sự phân bố các loài trong không gian sống chung: theo chiều thẳng đứng hoặc chiều ngang
Mục đích	Nhằm giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài sử dụng nguồn sống của môi trường hiệu quả nhất.

→ Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ.

<p>thiệt một cách thô bạo vào sự phát triển của thiên nhiên khiến cho đời sống muôn loài bị xáo trộn, nhiều loài đã biến mất. Những điều đó sẽ có tác động xấu ngược lại tới sự sống trên hành tinh của chúng ta và với trực tiếp loài người. Vì vậy con người cần tỉnh ngộ, biết cách chung sống hài hoà với muôn loài để xây dựng lại cuộc sống bình yên vốn có trước đây của TĐ.</p>	<p><b>c. Vai trò của con người trên TĐ (đoạn 7)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Những can thiệp tiêu cực của con người:</b> phá hủy hệ sinh thái, săn bắn động vật, khai thác tràn lan...</li> <li>→ <b>HẬU QUẢ:</b> biến đổi khí hậu, nhiều loài tuyệt chủng, cạn kiệt tài nguyên...</li> <li>- <b>Những nỗ lực duy trì, phát triển:</b> bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái...</li> <li>→ <b>TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC:</b> cải thiện môi trường, bảo vệ một số loài trong sách đỏ...</li> </ul>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>GV đặt câu hỏi gợi dẫn:</b></li> <li>+ <i>Đoạn văn thứ (8) đã đề cập đến vấn đề gì?</i></li> <li>+ <i>Theo em, cách mở đầu và kết thúc của văn bản có gì đặc sắc?</i></li> <li>+ <i>Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?</i></li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS báo cáo kết quả, nhận xét.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p>	<p><b>3. Kết thúc vấn đề</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cập đến bộ phim hoạt hình “Vua sư tử” và nhắc lại tất cả câu nói “Tất cả chúng ta đều thuộc về vòng đời bất tận”</li> <li>→ Câu nói gợi sự am hiểu bản chất cuộc sống và ứng xử khôn ngoan với đời sống của muôn loài</li> <li>→ <b>Cách mở- kết hô ứng</b></li> <li>+ Giàu sắc thái cảm xúc, làm “mềm” sự khô khan của văn bản thông tin → gợi nhiều sự liên tưởng cho người đọc</li> <li>+ Tạo tính hấp dẫn cho văn bản thông tin</li> </ul>



GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.	
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục.</li> <li>- Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho văn bản.</li> </ul> <p><b>2. Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài.</li> <li>- VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TĐ.</li> </ul>

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi **CÁCH ỨNG XỬ ĐỂ CÓ THỂ CHUNG SỐNG VỚI THIÊN NHIÊN ?** Và tổ chức trò chơi **TUỔI HOA**

**Câu hỏi 1. Biome là gì?**

→ Là tập hợp sinh vật cùng môi trường sống mang những nét đặc thù riêng của chúng, thường được dịch là khu sinh học

**Câu hỏi 2. Giữa các loài trong quần xã luôn tồn tại mối quan hệ gì?**

→ Mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng

**Câu hỏi 3. Sự cân bằng trong đời sống của muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ là do đâu?**

→ Do con người quá tự kiêu, thấy mình là chúa tể của cả thế giới, có thể tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hóa đã bền bỉ gây dựng

**Câu hỏi 4. Thế nào là quan hệ đối kháng?**

→ Là các loài trong quần xã cạnh tranh, kí sinh, ăn thịt lẫn nhau

**Câu hỏi 5. Văn bản “Các loài chung sống với nhau như thế nào?” thuộc thể loại gì?**

→ Văn bản thông tin

**Câu hỏi 6. Chia sẻ cảm nhận của em sau khi học xong bài.**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV yêu cầu HS:** Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) về chủ đề: Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

.....  
.....  
.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT..... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- HS nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.
- HS hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được các từ mượn trong văn bản.
- Xác định đúng nguồn gốc của các từ mượn.
- Viết đúng những từ mượn.
- Sử dụng từ điển để hiểu nghĩa từ mượn.
- Sử dụng từ mượn trong nói và viết.

#### 3. Phẩm chất

- Tự xác định và có thái độ đúng khi sử dụng mượn từ trong giao tiếp hằng ngày.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### **III. Tiến trình dạy học**

#### **Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu học sinh:

**1. Em hãy kể tên các bộ phận của xe đạp?**

**2. Em thấy từ “nhi đồng” và “đề nghị” trong 2 câu sau dùng đã phù hợp chưa?**

**a) Nhi đồng đang vui chơi ngoài sân.**

**b) Con đề nghị mẹ thưởng cho con một phần quà.**

→ Chưa phù hợp, nên thay bằng **Trẻ em, muốn**.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Chúng ta nói và viết hôm nay, không phải hoàn toàn là từ thuần Việt, mà chúng ta còn mượn thêm một số từ ngữ của các nước khác. Vậy thế nào là từ mượn? Chúng ta mượn như thế nào? Các em sẽ được tìm hiểu trong tiết học ngày hôm nay.

#### **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu được thế nào là từ mượn.

- Biết cách sử dụng từ mượn trong nói và viết phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:</li> <li>+ Từ mượn là gì? Nguồn gốc vay mượn?</li> <li>+ Nguyên tắc vay mượn? Cách sử dụng từ mượn?</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</li> </ul> <p>GV tổ chức <b>TRANH LUẬN</b> về vấn đề:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mặt tích cực của việc mượn từ</li> <li>2. Mặt hạn chế của việc mượn từ</li> </ol>	<p><b>I. Hình thành kiến thức</b></p> <p><b>1. Khái niệm từ mượn và hiện tượng vay mượn từ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Từ mượn</i>: là từ có nguồn gốc ngôn ngữ khác, vay mượn của nước ngoài để tạo ra sự phong phú và đa dạng cho tiếng Việt....</li> <li>- <i>Hiện tượng vay mượn từ</i>: trong sự tiếp xúc, giao lưu ngôn ngữ giữa các dân tộc, các ngôn ngữ thường vay mượn từ của nhau để làm giàu cho ngôn ngữ của mình.</li> </ul> <p><b>2. Nhận biết và lưu ý khi sử dụng từ mượn</b></p> <p><b>* TỪ MƯỢN TIẾNG HÁN</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được sử dụng nhiều và đóng vai trò quan trọng nhất</li> <li>- Lưu ý những từ: đầu, phòng, cao, tuyết, bang, thân.....</li> <li>- Những từ gây khó hiểu: nhi đồng, phụ lão, địa cực...</li> </ul> <p><b>* TỪ MƯỢN NGÔN NGỮ CHÂU ÂU</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gần như được Việt hóa: sấm, lốp, bom, tăng...</li> <li>- Nhiều từ: xà phòng, xi măng, cà phê... được dùng phổ biến, cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt</li> </ul> <p><b>* TỪ MƯỢN TIẾNG PHÁP, ANH</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết nguyên dạng ngôn ngữ gốc: video, smartphone, internet</li> </ul>

	<p>- Viết theo từng âm tiết, có dấu gạch nối: ô-xi, a-xit, ki-lô-gam</p> <p><b>* NHỮNG LƯU Ý KHI SỬ DỤNG TỪ MƯỢN</b></p> <p>- Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe.</p> <p>- Không lạm dụng quá nhiều để tránh mất đi sự trong sáng của Tiếng Việt</p>
--	---

### Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu học sinh làm bài tập</p> <p>Bài tập 1</p> <p><b>Hình thức:</b> chia lớp làm 2 nhóm, trong thời gian 3 phút, luân lượt các thành viên trong nhóm sẽ lên bảng để hoàn thành yêu cầu</p> <p><b>Yêu cầu:</b></p> <p>+ Các yếu tố như <i>không, nhiễm</i> không chỉ xuất hiện trong <i>không khí, ô nhiễm</i> mà còn được dùng để tạo nên nhiều từ khác mà chúng ta vẫn sử dụng hằng ngày. Hãy kể thêm một số từ có những yếu tố ấy.</p>	<p><b>Bài tập 1</b></p> <p>a.- <b>Các từ vay mượn tiếng Hán:</b> <i>kế hoạch, phát triển, công nghiệp, không khí, ô nhiễm</i></p> <p>➔ Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa.</p> <p>- <b>Các từ vay mượn tiếng Anh:</b> <i>băng, ô-dôn</i></p> <p>➔ <i>băng</i> là từ mượn đã được Việt hóa hoàn toàn</p> <p><i>ô-dôn</i> là từ có gạch nối giữa các âm tiết gây ấn tượng về từ mượn rõ nhất</p> <p><b>b.</b></p> <p>- Từ <i>ô-dôn</i> cho em cảm giác từ mượn rõ nhất.</p> <p>- Vì từ ngữ này có phần gạch nối rất dễ nhận biết.</p> <p><b>c.</b></p>

<p>+ Sau thời gian 3p, các thành viên giải thích ý nghĩa các từ đó.</p> <p>Bài tập 2</p> <p>Bài tập 3</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS hoàn thành bài tập</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p><b>Bài tập nhanh:</b> Phân loại các từ mượn sau và dịch sang từ thuần Việt: <i>phụ mẫu, huynh đệ, pi-a-nô</i></p> <p>→ <b>Từ Hán Việt</b></p> <p>phụ mẫu = cha mẹ</p> <p>huynh đệ = anh em.</p> <p>→ <b>Ngôn ngữ Ấn- Âu</b></p> <p>pi-a-nô = đàn dương cầm.</p>	<p><b>Từ có yếu tố không</b></p>	<p><b>Nghĩa của từ</b></p>
	<i>Không trung</i>	Chỉ khoảng không gian ở trên cao
	<i>Không gian</i>	hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rộng, chiều cao
	<i>Không quân</i>	Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia
	<i>Không tưởng</i>	Chỉ sự viển vông, không thiết thực hoặc việc khó thực hiện
	<p><b>Từ có yếu tố nhiễm</b></p>	<p><b>Nghĩa của từ</b></p>
	<i>lây nhiễm</i>	Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác.
	<i>miễn nhiễm</i>	Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm
	<i>truyền nhiễm</i>	Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh
	<i>nhiễm khuẩn</i>	Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể

## Bài tập 2

Qua việc thực hiện các yêu cầu trên, em rút ra nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt: tiếng Việt có vốn từ đa dạng và phong phú. Trong đó có từ mượn và từ thuần Việt. Từ mượn được vay mượn từ nhiều ngôn ngữ khác, vay mượn nhiều của tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh. Chính sự vay mượn ngôn ngữ này, làm giàu thêm vốn từ tiếng Việt.

## Bài tập 3

	Từ mượn	Từ thay đổi
1	fan (cuồng)	người hâm mộ
2	Idol	Thần tượng
3	Chuyên cơ	Máy bay
4	Phi trường	Sân bay

*Thay đổi:* Những người hâm mộ thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy thần tượng của mình xuất hiện trên cửa chiếc máy bay vừa đáp xuống sân bay.

## Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu học sinh: *Viết 1 đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một người bạn của em, trong đó có sử dụng ít nhất 3 từ mượn.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.



**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: TRÁI ĐẤT

- Ra-xun Gam-da-tốp-

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Nhận biết được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin ngay cả khi chúng cùng hướng về một chủ đề
- Học sinh nhận biết được nét đặc sắc của đối thoại trữ tình trong bài thơ.
- HS xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất - ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng:

- Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin.
- Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.
- Học sinh xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta

#### 3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Tình yêu thương giữa con người với con người, sự giúp đỡ lẫn nhau...để bảo vệ Trái đất, bảo vệ môi trường sống.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV cho học sinh xem video: GIẬT MÌNH XEM CON NGƯỜI HỦY HOẠI TRÁI ĐẤT? Và đặt câu hỏi: Em cảm nhận như thế nào về video này?

- *GV dẫn dắt vào bài mới: Chúng ta biết gì về Trái Đất? Chúng ta đã thực sự thấu hiểu và quan tâm chưa? Chúng ta đã làm gì để TĐ mãi an toàn và tươi đẹp? Có thể đó là những câu hỏi luôn thường trực trong suy nghĩ của mỗi chúng ta. Và tác giả của bài thơ hôm nay chúng ta học cũng vậy. Lớp mình cùng nhau vào bài học ngày hôm nay “Trái Đất”*

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

##### Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Thao tác 1: đọc	I. Đọc- Tìm hiểu chung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	1. Đọc

<p>- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS theo dõi sgk</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>- GV gọi 2 học sinh đọc đối thoại</p> <p>- Giọng đọc: có đau xót, phẫn nộ, có thương xót, dịu dàng.</p>
<p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố:</p> <p>+ <b>Tác giả:</b> quê hương, pcst, những sáng tác chính</p> <p>+ <b>Tác phẩm:</b> thể loại, xuất xứ, PTBĐ, bố cục...</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>a. Tác giả: Ra -xun Gam- da -tốp (1923 – 2003)</b></p> <p>- <b>Quê hương:</b> Liên bang Nga.</p> <p>- <b>PCST:</b> Thơ ông tràn đầy tình yêu thương đối với quê hương, con người, sự sống và luôn hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc</p> <p>- <b>Các tác phẩm chính:</b> <i>Năm tôi sinh, Mùa xuân Đa-ghe-xtan, Trái tim tôi trên núi, Những ngôi sao xa, ...</i></p> <p><b>b. Tác phẩm</b></p> <p>- <b>Thể loại:</b> thơ tự do</p>

<p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Xuất xứ:</b> Minh Tâm dịch, theo Báo điện tử Đất Việt - Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, 9/2020</li> <li>- <b>HCST:</b> Viết năm 1967 bằng tiếng Avar.</li> <li>- <b>PTBD:</b> biểu cảm</li> <li>- <b>Bố cục: 2 phần</b></li> <li>+ <b>Phần 1: khổ thơ đầu</b></li> <li>➔ Thái độ của nhà thơ với những kẻ đang hủy hoại Trái đất.</li> <li>+ <b>Phần 2: Khổ thơ cuối</b></li> <li>➔ Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất.</li> </ul>
---	--

### Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. **Mục tiêu:** nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu học sinh hoàn thành PHT</li> <li>- <b>Hình thức:</b> GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập</li> <li>- <b>Thời gian:</b> 10 phút</li> </ul>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Thái độ của nhà thơ với những kẻ hủy diệt Trái Đất</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Nội dung</th> <th style="text-align: center;">Từ ngữ</th> <th style="text-align: center;">Nhận xét</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center; vertical-align: top;"> <b>Cách nhìn nhận về Trái Đất</b> </td> <td style="vertical-align: top;">           Quả dưa            Quả bóng         </td> <td style="vertical-align: top;">           Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác         </td> </tr> </tbody> </table>	Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét	<b>Cách nhìn nhận về Trái Đất</b>	Quả dưa Quả bóng	Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác
Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét					
<b>Cách nhìn nhận về Trái Đất</b>	Quả dưa Quả bóng	Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác					

Tên:.....Lớp:.....

**PHIẾU HỌC TẬP**

*Trái Đất! Có bạn xem người là quả dưa  
Họ bỏ, cắn người thành muôn mảnh nhỏ  
Lũ khác nhìn người như quả bóng trên sân  
Để giành giết, họ lao vào, đá, đá.*

Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét
Cách nhìn nhận về Trái Đất	.....	.....
Cách đối xử với Trái Đất	.....	.....
Thái độ tác giả	.....	.....

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo sản phẩm  
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

<b>Cách đối xử với Trái Đất</b>	Bỏ, cắn thành mảnh nhỏ, giành giết, lao vào đá, đá	Thô bạo, tàn nhẫn, làm tổn thương Trái Đất nặng nề
<b>Thái độ tác giả</b>	+ Đại từ nhân xưng: bọn, họ, lũ + Giọng điệu thơ, động từ mạnh: bỏ, cắn, lao, đá... + Đau xót khi Trái Đất bị hủy diệt	+ Căm phẫn, khinh bỉ, lên án những kẻ hủy hoại Trái đất. + Đau xót khi Trái Đất bị hủy diệt

**- GV yêu cầu học sinh hoàn thành PHT**

- **Hình thức:** GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập

- **Thời gian:** 10 phút

Tên:.....Lớp:.....

**PHIẾU HỌC TẬP**

*Trái Đất với tôi- chẳng là dưa, là bóng  
Với tôi, người- khuôn mặt thân thương  
Nước mắt người tôi lau- xin đừng khóc nữa  
Rửa sạch máu cho người đây, tôi hát, dự dâng.*

Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét
Xưng hô với Trái Đất	.....	.....
Hình dung về Trái Đất	.....	.....
Hành động của tác giả	.....	.....
Thái độ tác giả	.....	.....

**2. Thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất**

Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét
<b>Xưng hô với Trái Đất</b>	<i>Người</i>	<i>Thái độ trân trọng</i>
<b>Hình dung về Trái Đất</b>	+ <i>Gương mặt thân thương</i> + <i>Giọt nước mắt rơi</i>	<i>Sự đau xót, tổn thương nặng nề do sự phá hoại</i>

<p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p> <p><b>GV MỞ RỘNG: NHẬN RA SỰ ĐỐI LẬP GIỮA 2 KHỔ THƠ</b></p> <p><b>* Họ với Trái Đất</b></p> <p>- Trái Đất như một vật sở hữu, vô tri, vô giác</p> <p>- Là một thú vui, đồ ăn cho những con người « ích kỉ », « hiếu thắng »</p> <p>➔ Thái độ: coi thường, rẻ rúng, cách cư xử thô bạo, đáng lên án</p> <p><b>* Tác giả với Trái Đất</b></p> <p>- Trái Đất được hình dung như một con người có cảm xúc, nhưng là cảm xúc đau khổ</p> <p>- Là đối tượng cần được chia sẻ, yêu thương</p> <p>➔ Thái độ: nâng niu, trân trọng, cách cư xử nhân văn, có hiểu biết</p>		<p>+ <i>Máu chảy</i></p> <p>➔ <i>Cách nói</i></p> <p><i>Ẩn dụ</i></p>	<p><i>của con người</i></p>
<p><b>Hành động của tác giả</b></p>	<p>+ <i>Lau nước mắt</i></p> <p>+ <i>Rửa sạch máu</i></p> <p>+ <i>Hát điệu dàng</i></p>	<p><i>An ủi, vỗ về</i></p>	
<p><b>Thái độ của tác giả</b></p>	<p><i>Trân trọng, cảm thông, thấu hiểu, chia sẻ với người bạn – Trái Đất</i></p>		

<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể thơ tự do</li> <li>- Các biện pháp nghệ thuật: điệp từ, liệt kê, ẩn dụ..</li> </ul> <p><b>2. Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác giả thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái đất, đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái đất.</li> </ul>
---	---

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi **BAY KHẮP TRỜI XANH**

**CÂU HỎI 1:** Tác giả gọi Trái Đất trong văn bản cùng tên là gì?

→ Người

**CÂU HỎI 2:** Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào khi nhắc đến Trái Đất?

→ Ẩn dụ

**CÂU HỎI 3:** EM hãy chia sẻ cảm xúc, bài học sau khi tìm hiểu bài “Trái Đất”



**CÂU HỎI 4: Tại sao tác giả gọi Trái Đất là “người”?**

→ Vì ông thể hiện sự tôn trọng, thiêng liêng hóa Trái Đất

**CÂU HỎI 5: Đâu không phải là hành động tác giả làm với Trái Đất?**

→ Lao vào đá

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động: **TẬP LÀM GIÁO VIÊN**

1. Có ý kiến cho rằng: loài người đang ăn Trái đất, bạn có suy nghĩ gì về ý kiến này?

2. Bạn đã làm gì để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ Trái đất của chúng ta?

3. Vì sao chúng ta phải bảo vệ Trái đất?

4. Theo bạn, bảo vệ Trái đất có phải là trách nhiệm của một quốc gia nào đó không? Vì sao bạn lại cho rằng như vậy?....

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## Tiết.....: VIẾT

### VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

#### I. Mục tiêu

##### 1. Kiến thức:

- HS thấy được ý nghĩa, vị trí riêng của VB nhật dụng trong đời sống và biết cách viết một biên bản họp thức về một cuộc họp, cuộc thảo luận.
- HS nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích lũy tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản đã đọc.

##### 2. Năng lực

###### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

###### b. Năng lực riêng biệt:

- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách.
- Tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

##### 3. Phẩm chất:

- Trung thực, trách nhiệm của bản thân trong việc viết biên bản.

#### II. Thiết bị dạy học và học liệu

##### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

##### 2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV đặt câu hỏi:** Trong cuộc sống hàng ngày, em thường nghe mọi người xung quanh nhắc đến việc viết biên bản trong những tình huống nào?

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** .....

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

##### A. VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN

###### 2.1. Tìm hiểu chung về biên bản

**a. Mục tiêu:** nắm được khái niệm, mục đích, thể thức của một biên bản đúng pháp luật, đúng quy cách

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> <b>GV tổ chức HOẠT ĐỘNG NHÓM</b> + Biên bản là gì? + Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản? + Hãy nêu số tình huống mà em thấy cần viết biên bản?	<b>I. Tìm hiểu chung về biên bản</b> <b>1. Khái niệm biên bản</b> - Biên bản là một loại văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra.

<p>+ Trình bày thể thức của biên bản thông thường</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm dựa vào SHS để giải quyết các yêu cầu.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>- Nó được lưu lại như một hồ sơ, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó.</p> <p>- Biên bản đòi hỏi được viết đúng thể thức, theo một quy cách riêng.</p> <p><b>2. Thể thức của biên bản thông thường</b></p> <p>- Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiều nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lý vụ việc.</p> <p>- Dưới từ "Biên bản", ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lý, làm thành tên gọi của biên bản.</p> <p>- Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lý vụ việc,....</p> <p>- Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí.</p> <p>- Ghi diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lý vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).</p>
--	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lý vụ việc.</li> <li>- Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên.</li> </ul>
--	--

## 2.2 Phân tích biên bản tham khảo

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được biên bản tham khảo *“Biên bản bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh”*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức hoạt động nhóm</li> <li>+ <b>Câu 2.</b> Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?</li> <li>+ <b>Câu 3.</b> Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?</li> <li>+ <b>Câu 4.</b> Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?</li> <li>+ <b>Câu 5.</b> Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul>	<p><b>II. Phân tích biên bản tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản có tên gọi và ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí</li> <li>- Nội dung được ghi chi tiết, cụ thể diễn biến cuộc họp, cuộc thảo luận.</li> <li>- Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí</li> <li>- Ngôn ngữ của biên bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính, ngắn gọn, đơn nghĩa, dễ hiểu, súc tích.</li> </ul>

<p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> <li>- Dự kiến sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS báo cáo kết quả thảo luận</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức</li> </ul>	
--	--

### 2.3. Thực hành viết theo các bước

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết biên bản theo các bước.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa ra câu hỏi gợi mở:</li> <li>+ Theo em, để viết một biên bản đúng quy cách, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực</b></p>	<p><b>III. Thực hành viết theo các bước</b></p> <p><b>1. Trước khi viết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình dung lại các cuộc họp, thảo luận cần được ghi biên bản (cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức một hoạt động, cuộc họp kiểm điểm...)</li> </ul>

<p><b>hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- Dự kiến sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày sản phẩm</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định tên gọi của biên bản, đồng nghĩa với việc chọn nội dung cho biên bản sắp viết.</li> </ul> <p><b>2. Viết biên bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phần mở đầu theo đúng thể thức</li> <li>- Viết phần chính của biên bản theo đúng trình tự hợp lí, nội dung cụ thể</li> <li>- Viết chi tiết những nội dung quan trọng của cuộc họp, thảo luận (kế hoạch, giải pháp, phân công nhiệm vụ...)</li> <li>- Thuật lại đầy đủ các ý kiến đi vào trọng tâm của buổi họp, thảo luận</li> <li>- Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì</li> <li>- Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, thảo luận và ghi đầy đủ họ tên người có trách nhiệm kí vào biên bản</li> </ul> <p><b>3. Chỉnh sửa biên bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản.</li> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc</li> <li>- Lược bỏ những chi tiết không liên quan đến vấn đề</li> <li>- Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan</li> </ul>
--	--

<b>Bảng kiểm biên bản</b>	
Yêu cầu đối với biên bản	Đạt/ Chưa đạt
Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp.	
Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp	
Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự.	
Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra.	
Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa.	
Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói.	
Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng.	

## B. TÓM TẮT BẢNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

### 2.1. Khái niệm, mục đích và yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ

**a. Mục tiêu:** Biết được thực hành tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa ra câu hỏi gợi mở:</li> <li>+ Trình bày khái niệm, mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- Dự kiến sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày sản phẩm</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul>	<p><b>I. Khái niệm, mục đích và yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ</b></p> <p><b>1. Khái niệm:</b> Tóm tắt nội dung một văn bản đã đọc bằng sơ đồ là việc làm cần thiết để từng bước nâng cao, hoàn thiện kỹ năng đọc.</p> <p><b>2. Mục đích</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp nâng cao khả năng nắm bắt những thông tin chủ yếu của văn bản</li> <li>- Bao quát tốt mối quan hệ giữa các bộ phận trong văn bản.</li> <li>- Những sơ đồ hợp lý có thể giúp ta nhớ lại khá dễ dàng nội dung cốt lõi của những văn bản tin đọc</li> </ul> <p><b>3. Yêu cầu</b></p>



<p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức</p>	<p>- Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản.</p> <p>- Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.</p> <p>- Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ cho trí nhớ.</p>
---	--

## 2.2 Phân tích bản tóm tắt tham khảo

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được sơ đồ tham khảo “*Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống*”

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn</p> <p>+ Là người đã đọc, đã học văn bản ”Trái đất – cái nôi của sự sống”, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được cập nhật trong văn bản chưa?</p> <p>+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ được những ưu điểm và nhược điểm gì?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	<p><b>II. Phân tích bản tóm tắt tham khảo</b></p> <p>“<i>Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống</i>”</p> <p><b>1. Ưu điểm</b></p> <p>- Phản ánh đúng những nội dung chính</p> <p>- Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.</p> <p>- Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ.</p> <p><b>2. Nhược điểm</b></p> <p>+ Mỗi nội dung cần cụ thể chi tiết hơn.</p>

<p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> <li>- Dự kiến sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức</li> </ul>	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “có nước” có thể thay bằng: “nước- vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất.</li> <li>- “Con người- đỉnh cao của sự sống” nên thay bằng: “Con người và những tác động gây tổn thương cho Trái Đất”</li> <li>- Thiếu ý Tình trạng của Trái Đất hiện nay ra sao?</li> </ul>
--	---

### 2.3. Thực hành tóm tắt theo các bước

- Mục tiêu:** Biết tóm tắt văn bản bằng sơ đồ theo các bước.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa ra câu hỏi gợi mở:</li> <li>+ Theo em, để tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<p><b>III. Thực hành tóm tắt theo các bước</b></p> <p><b>1. Trước khi tóm tắt</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Xác định đúng nội dung cốt lõi</b> của văn bản và <b>hệ thống ý</b> triển khai nội dung đó.</li> <li>- <b>Lựa chọn từ khóa</b> phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được.</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thảo luận và trả lời câu hỏi</li> <li>- Dự kiến sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày sản phẩm</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Xác định mối liên hệ</b> giữa các từ khóa.</li> </ul> <p><b>2. Tóm tắt</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa.</li> <li>- Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật tự thích hợp.</li> <li>- Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau.</li> </ul> <p><b>3. Chỉnh sửa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa.</li> <li>- Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản.</li> <li>- Xem xét tính chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng.</li> </ul>
---	---

### **Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS làm đề bài sau: Giả sử trong một cuộc họp lớp thảo luận về giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa. Em được giao nhiệm vụ làm thư kí. Hãy viết biên bản cuộc thảo luận (hoặc cuộc họp) ấy.*

## Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

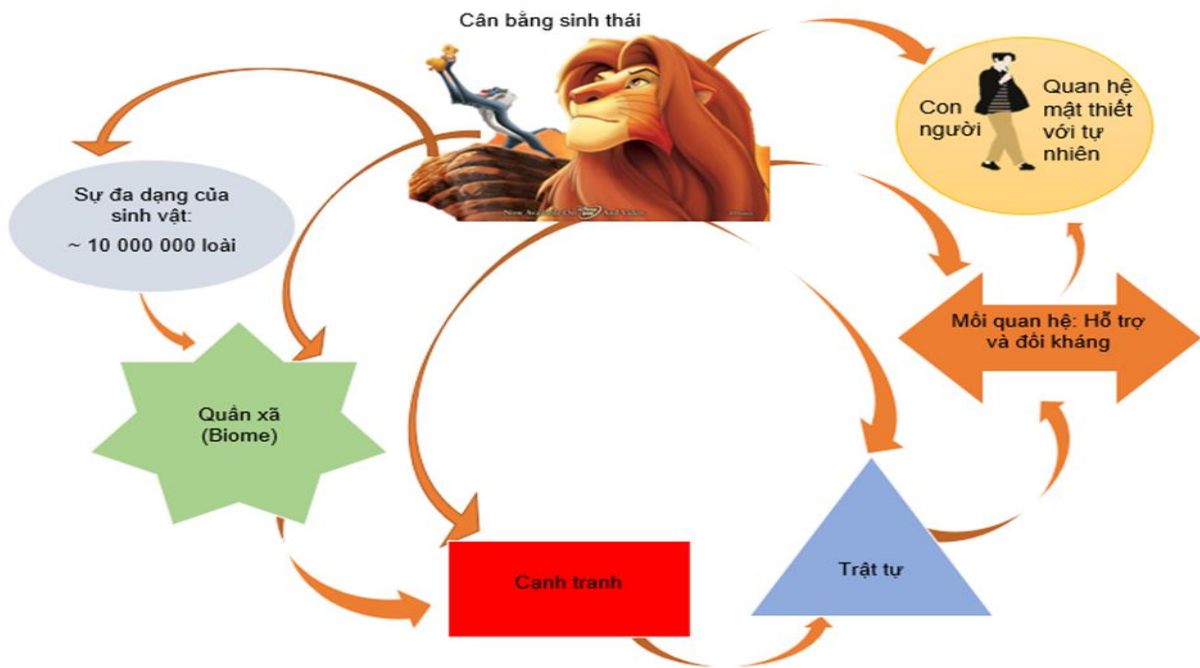
b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

Đề bài: Tóm tắt nội dung văn bản: “*Các loài sống chung với nhau như thế nào?*”



### Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT .....: NÓI VÀ NGHE

### Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường

#### I. Mục tiêu

##### 1. Kiến thức:

- HS biết đề xuất giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, trên tinh thần mong muốn chất lượng cuộc sống của chính bản thân và của cả cộng đồng phải được cải thiện
- HS biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau

##### 2. Năng lực

###### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

###### b. Năng lực riêng biệt:

- Biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

##### 3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trách nhiệm với cuộc sống, với Trái đất.

#### II. Thiết bị dạy học và học liệu

##### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV đưa ra câu hỏi khởi động:** Tại địa phương nơi em đang sinh sống có xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường ở đâu không? Nêu hiện trạng cụ thể? Em đã đề ra các giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đó và góp ý cho chính quyền, người dân khu vực chưa?



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn vào bài học:

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

##### 2.1. Trước khi nói

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết yêu cầu, mục đích của bài

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV đặt câu hỏi: + Để thực hiện tốt bài <b>Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường</b>, em cần chuẩn bị những gì cho bước trước khi nói?</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p><b>I. TRƯỚC KHI NÓI</b></p> <p><b>1. Chuẩn bị nội dung nói</b></p> <p>- <b>Lựa chọn vấn đề:</b> Vấn đề ở đây chính là giải pháp mà em đề xuất nhằm khắc phục nạn ô nhiễm môi trường (<i>rác thải ùn ứ, khói bụi mù mịt, công rãnh tắc nghẽn...</i>)</p> <p>- <b>Tìm ý và sắp xếp ý:</b></p> <p>+ Đặt hệ thống câu hỏi và lần lượt giải đáp</p> <p>+ Sau khi có được những ý cần thiết từ việc trả lời các câu hỏi, cần sắp xếp thành một đề cương theo trật tự: <i>tình trạng - nguyên nhân - giải pháp (việc làm 1, việc làm 2, việc làm 3,...) - kế hoạch hoạt động cụ thể</i>. Tất cả cần được viết thành một đề cương bài nói.</p> <p><b>2. Luyện tập</b></p> <p>- Nói một mình (nói thầm, nói to, nói kèm theo điệu bộ, cử chỉ,...).</p> <p>- Nói trước nhóm học tập.</p>

## 2.2. Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nêu đề bài:</li> </ul> <p>Ví dụ: <b>Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý (mở đầu, triển khai, kết luận)</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</li> </ul>	<p><b>II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI</b></p> <p><b>1. Mở đầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Lời chào</b></li> <li>- <b>Nêu tình trạng</b> đáng báo động của vấn đề ô nhiễm môi trường với các biểu hiện cụ thể của nó, nhất là biểu hiện em và các bạn đang phải đối mặt và cần tham gia giải quyết (<b>tình trạng rác thải ùn ứ và các giải pháp để khắc phục này</b>)</li> </ul> <p><b>2. Triển khai</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lần lượt trình bày các ý theo đề cương đã chuẩn bị.</li> <li>- Trước khi trình bày có thể nêu lại các câu hỏi đã từng đặt ra trong từng bước tìm ý, nhằm giúp người nghe hiểu được từng nội dung của khía cạnh vấn đề.</li> </ul> <p><b>3. Kết luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày</li> <li>- Lời cảm ơn</li> </ul>

### 2.3. Sau khi nói

**a. Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của bạn dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**



HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<p><b>III. SAU KHI NÓI</b></p> <p><b>Người nghe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt mình vào vị trí người nói để thấu hiểu lí do khiến người nói đề xuất giải pháp như vậy.</li> <li>- Các nhận xét, trao đổi hướng vào trọng tâm, không sa vào những chi tiết vụn vặt.</li> <li>- Nêu được điều tâm đắc của em về ý kiến của em.</li> <li>- Nêu những điều em chưa đồng tình với ý kiến của bạn.</li> </ul> <p><b>Người nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận mọi trao đổi trên tinh thần hướng đến việc tìm tòi một giải pháp thống nhất.</li> <li>- Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc.</li> <li>- Bảo vệ những nội dung trong ý kiến của bản thân mà em cho là hợp lí.</li> <li>- Tự rút ra những kinh nghiệm cần thiết trong việc nêu ý kiến khi tham gia thảo luận.</li> </ul>

### Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

#### **d. Tổ chức thực hiện:**

##### **- GV tổ chức hoạt động *CÙNG THỂ HIỆN TÀI NĂNG***

***Đề bài: Hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường đang trở nên trầm trọng. Em và các bạn hãy thảo luận về những giải pháp cần thực hiện nhằm làm cho môi trường quanh ta trở nên an toàn tốt đẹp.***

- Hình thức: chia làm 4 nhóm, sau khi thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện 1 bạn trong nhóm nên trình bày trước lớp.

- Thời gian: thảo luận (5 phút), trình bày (3 phút)

#### **Bài nói tham khảo**

Chắc hẳn nhiều người sẽ thắc mắc: vứt rác bừa bãi, ứ ứ ảnh hưởng xấu như thế vậy tại sao người dân lại vẫn tiếp tục làm. Có lẽ nguyên nhân khách quan là do hệ thống thùng rác chưa được bố trí hợp lí, để tìm được một chiếc thùng rác trên tuyến phố lớn nhiều khi cũng rất khó khăn. Nhưng chủ yếu vẫn là do ý thức của con người. Đối với các em nhỏ, các em có thể chưa ý thức được việc mình làm, các em chỉ bắt chước, làm theo người lớn.

Vậy trước thực trạng đáng lo trên, chúng ta cần phải làm gì? Đầu tiên và quan trọng nhất là nâng cao ý thức của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Kỹ năng thức tế, biết áp dụng những điều đã học vào việc giữ gìn môi trường cần được chú trọng hơn là việc học nhiều lý thuyết như hiện nay. Và có lẽ để khắc phục hiện tượng vứt rác bừa bãi các cơ quan chức năng nên đề ra chế tài xử phạt nghiêm khắc như ở nhiều nước bạn, có thể người dân mới chủ động chấp hành. Tuy nhiên cũng có rất nhiều tín hiệu vui, ngày càng có nhiều chương trình tuyên truyền ý thức được phổ biến, đâu đó trên các con phố ta vẫn thấy thấp thoáng màu áo xanh tình nguyện đi dọn dẹp đường phố, vứt rác ở sông hồ. Đây là những hành động đẹp mà chúng ta cần noi theo.

Bên cạnh đó, sử dụng các phương tiện công cộng hoặc đi xe đạp, xe điện thay thế cho các loại phương tiện gây ô nhiễm đường phố. Phát động trồng nhiều cây xanh tạo sự trong lành, điều hoà môi trường sống. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu

khoa học hay mỗi người cần nghiên cứu phát minh ra những thiết bị, công cụ xử lý, tái chế hay phân loại rác thải nhằm giảm công sức và chi phí, đồng thời giảm thiểu lượng rác thải mỗi ngày.

### Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV áp dụng “*kĩ thuật 3 lần 3*” giúp HS đánh giá, nhận xét bài nói của nhóm bạn (3 điểm tốt, 3 điểm chưa tốt, 3 đề nghị cải tiến) và chấm điểm theo bảng đánh giá bài nói theo mẫu sau:

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ</b>			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Vấn đề đưa ra mang tính thời sự, đúng chủ đề giải pháp	Không đưa ra được vấn đề phù hợp	Vấn đề mang tính thời sự, vấn đề phù hợp	Vấn đề nóng bỏng trong XH hiện nay
2. Nội dung	ND sơ sài, không nêu được quan điểm của cá nhân và không biết bảo vệ quan điểm	HS đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục biết bảo vệ quan điểm	Có sức thuyết phục sử dụng lí lẽ và bằng chứng từ thực tế trong đời sống, quan điểm rõ ràng có sức thuyết phục
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lắp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lắp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 5: Củng cố, mở rộng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố, mở rộng kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu học sinh hoàn thiện bài tập 1,2 vào vở

Củng cố, mở rộng					
Tên văn bản	Nội dung	Loại văn bản			Hình thức văn bản
	Trái đất - môi trường	Văn bản thông tin	Văn bản văn học	Văn bản chỉ có kênh chữ	Văn bản đa phương thức
Trái Đất - cái nôi của sự sống	X	X			X
Các loài chung sống với nhau như thế nào?	X	X			X
Trái Đất	X		X	X	

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....